

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1974/TCT-TTr
V/v trả lời kiến nghị của VBF

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2018

Kính gửi: Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF)

Trả lời các kiến nghị số 04, 07, 11, 14, 15, 16, 18, 19, 20 của Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên năm 2018, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Đối với nội dung kiến nghị số 04:

Tại khoản 2a, Điều 14 Thông tư 78/2014/TT-BTC quy định:

“ 2. Căn cứ tính thuế:

a) Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định:

$$\begin{array}{lcl} \text{Thu nhập} & = & \text{Giá chuyển} \\ \text{tính thuế} & & \text{nhượng} \end{array} - \begin{array}{lcl} \text{Chi phí} \\ \text{chuyển nhượng} \\ \text{vốn chuyển} \\ \text{nhượng} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá chuyển nhượng được xác định là tổng giá trị thực tế mà bên chuyển nhượng thu được theo hợp đồng chuyển nhượng

... Trường hợp hợp đồng chuyên nhượng không quy định giá thanh toán hoặc cơ quan thuế có cơ sở để xác định giá thanh toán không phù hợp theo giá thị trường, cơ quan thuế có quyền kiểm tra và án định giá chuyên nhượng."

Căn cứ quy định nêu trên thì hồ sơ, tài liệu để xác định giá chuyển nhượng là Hợp đồng chuyển nhượng (bao gồm Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc các tài liệu có liên quan đính kèm theo Hợp đồng). Căn cứ các tài liệu này thì NNT xác định số thuế phải nộp, kê khai theo quy định. Trường hợp hợp đồng không quy định giá thanh toán hoặc giá thanh toán không phù hợp theo giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền kiểm tra và án định giá chuyển nhượng để xác định đúng nghĩa vụ thuế phải nộp.

2. Đối với nội dung kiến nghị số 07:

Kiểm tra, thanh tra thuế là hoạt động giám sát của cơ quan thuế đối với các hoạt động, giao dịch liên quan đến phát sinh nghĩa vụ thuế và tình hình thực hiện thủ tục hành chính thuế, chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp. Kiểm tra

đối chiếu tính đầy đủ, chính xác của các thông tin, tài liệu trong hồ sơ thuế nhằm đánh giá sự tuân thủ về nghĩa vụ thuế của người nộp thuế trong việc kê khai và nộp thuế.

Căn cứ quy định tại Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính được sửa đổi bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định rõ: “*Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế*”

Căn cứ quy định tại Điều 86 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012

“*Điều 86. Nghĩa vụ và quyền của đối tượng thanh tra thuế*

1. *Đối tượng thanh tra thuế có các nghĩa vụ sau đây:*

...b) *Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, trưởng đoàn thanh tra thuế và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp;*

....

2. *Đối tượng thanh tra thuế có các quyền sau đây:*

a) *Giải trình về những vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra thuế; ...*

b) *Bảo lưu ý kiến trong biên bản thanh tra thuế; ...*

d) *Khiếu nại với người ra quyết định thanh tra thuế về quyết định, hành vi của trưởng đoàn thanh tra thuế, thành viên đoàn thanh tra thuế khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, người khiếu nại vẫn phải thực hiện các quyết định đó; ...”*

Như vậy, trong quá trình thanh tra, kiểm tra, Đoàn Thanh tra đối chiếu tính đầy đủ, chính xác của các thông tin, tài liệu trong hồ sơ thuế nhằm đánh giá, kết luận sự tuân thủ của người nộp thuế trong việc kê khai và nộp thuế, trên cơ sở hồ sơ tài liệu NNT cung cấp và thực tế bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh và căn cứ vào các quy định của các văn bản pháp luật nói chung và văn bản pháp luật thuế nói riêng để điều chỉnh việc kê khai thiếu, kê khai chưa đúng, trốn thuế,...và truy thu vào NSNN. Đối tượng được thanh tra, kiểm tra cũng có những quyền và nghĩa vụ được quy định cụ thể trong Luật quản lý thuế là giải trình về những vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra thuế, giải trình đối với những tài liệu cung cấp cho đoàn thanh tra, kiểm tra; có quyền bảo lưu ý kiến trong biên bản thanh tra, kiểm tra hoặc khiếu nại...

3. Đối với nội dung kiến nghị số 11:

Căn cứ Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 20/2/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết:

- Điều 12 đã quy định về trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thuế trong quản lý giá giao dịch liên kết, cụ thể:

"2. Cơ quan thuế căn cứ các nguyên tắc phân tích so sánh, nguyên tắc và phương pháp xác định giá giao dịch liên kết được quy định tại Nghị định này và các thông tin kê khai nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp có giao dịch liên kết để thực hiện án định thuế trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ: Việc án định doanh thu, chi phí hoặc thu nhập chịu thuế để xác định nghĩa vụ thuế được thực hiện theo các nguyên tắc phân tích so sánh, phương pháp xác định giá giao dịch liên kết và cơ sở dữ liệu sử dụng trong quản lý giá giao dịch liên kết quy định tại Nghị định này;

b) Các trường hợp khác: Việc án định thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của Cơ quan thuế theo quy định về án định thuế đối với doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ hoặc các quy định xử lý vi phạm về thuế.

3. Cơ quan thuế có quyền án định mức giá; tỷ suất lợi nhuận; tỷ lệ phân bổ lợi nhuận được sử dụng để kê khai tính thuế, án định thu nhập chịu thuế hoặc số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với NNT có phát sinh giao dịch liên kết trong kỳ tính thuế căn cứ các thông tin, dữ liệu và phân tích đánh giá của Cơ quan thuế, trong các trường hợp NNT có các hành vi vi phạm pháp luật về xác định giá giao dịch liên kết sau:

a) NNT không kê khai, kê khai không đầy đủ thông tin hoặc không nộp Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) NNT cung cấp không đầy đủ thông tin Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết quy định tại Mẫu số 02, Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc không xuất trình Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và các dữ liệu, chứng từ và tài liệu được sử dụng làm căn cứ phân tích so sánh, xác định giá tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo yêu cầu của Cơ quan thuế trong thời hạn theo quy định tại Nghị định này;

c) NNT sử dụng các thông tin về giao dịch độc lập không trung thực, không đúng thực tế để phân tích so sánh, kê khai xác định giá giao dịch liên kết hoặc dựa vào các tài liệu, dữ liệu và chứng từ không hợp pháp, không hợp lệ hoặc không nêu rõ nguồn gốc xuất xứ để xác định mức giá, tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận áp dụng cho giao dịch liên kết;

d) NNT có hành vi vi phạm các quy định về xác định giá giao dịch liên kết tại Điều 11 Nghị định này.”.

- Điều 9 quy định về Cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định, quản lý giá giao dịch liên kết, cụ thể:

“1. Cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết của NNT, bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu do các tổ chức kinh doanh cung cấp, bao gồm thông tin tài chính và dữ liệu của doanh nghiệp do các tổ chức này thu thập từ các nguồn thông tin công khai và lưu giữ, cập nhật, quản lý sử dụng (sau đây gọi là cơ sở dữ liệu thương mại);

b) Thông tin dữ liệu của các doanh nghiệp được công bố công khai trên thị trường chứng khoán;

c) Thông tin, dữ liệu công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế;

d) Thông tin do các cơ quan bộ, ngành trong nước công bố công khai hoặc các nguồn chính thức khác.

2. Cơ sở dữ liệu sử dụng trong quản lý giá giao dịch liên kết của Cơ quan thuế, bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Thông tin, dữ liệu trao đổi với các Cơ quan thuế đối tác;

c) Thông tin do các cơ quan bộ, ngành trong nước cung cấp cho Cơ quan thuế;

d) Cơ sở dữ liệu của Cơ quan thuế.

Cơ sở dữ liệu của Cơ quan thuế sử dụng trong quản lý rủi ro và án định giá giao dịch liên kết đối với các trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này.”.

- Điều 6 quy định về Phân tích so sánh, lựa chọn đối tượng so sánh độc lập để so sánh, xác định giá giao dịch liên kết như sau:

“2. Phân tích so sánh phải đảm bảo tính tương đồng giữa đối tượng so sánh độc lập và giao dịch liên kết, không có khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến mức giá; tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận giữa các bên. Trường hợp có khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến mức giá; tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận, phải phân tích, xác định và thực hiện điều chỉnh loại trừ khác biệt trọng yếu theo các yếu tố so sánh quy định tại khoản 3 Điều này và phù hợp với từng phương pháp xác định giá giao dịch liên kết quy định tại Điều 7 Nghị định này.

...

3....

d) Phân tích so sánh, loại trừ các khác biệt trọng yếu là phân tích loại trừ khác biệt về mặt định tính và định lượng đối với thông tin hoặc số liệu tài chính có ảnh hưởng trọng yếu đến yếu tố làm căn cứ xác định giá giao dịch liên kết theo từng phương pháp xác định giá quy định tại Điều 7 Nghị định này. Việc xác định khác biệt trọng yếu được căn cứ định lượng và định tính, bao gồm: Khác biệt định lượng là khác biệt xác định bằng số tuyệt đối về chu kỳ kinh doanh, số năm thành lập, hoạt động của doanh nghiệp hoặc số tương đối như khác biệt về chỉ tiêu tài chính theo đặc thù ngành nghề đầu tư hoặc chức năng hoạt động, khác biệt về vốn lưu động; khác biệt định tính là các thông tin được xác định căn cứ vào từng phương pháp xác định giá.

Các thông tin được xác định là trọng yếu bao gồm: Khác biệt về đặc tính sản phẩm, điều kiện hợp đồng, chức năng, tài sản và rủi ro và ngành nghề kinh doanh, điều kiện kinh tế của NNT và các đối tượng so sánh độc lập; các khác biệt về chính

sách, môi trường đầu tư, tác động của chi phí đầu vào sản xuất kinh doanh tại các thị trường địa lý khác nhau.

Các khác biệt định lượng và định tính phải được rà soát, điều chỉnh tương ứng với các yếu tố so sánh có ảnh hưởng trọng yếu đến phương pháp xác định giá giao dịch liên kết quy định tại Điều 7 Nghị định này; ”

- Tại Khoản 2 Điều 7 quy định như sau:

“NNT thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không có chức năng quyết định chiến lược và phát sinh giao dịch tạo giá trị gia tăng thấp, bao gồm các doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất hoặc phân phối không chịu rủi ro hàng tồn kho, rủi ro thị trường và không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác tài sản vô hình thì không gánh chịu lỗ phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ các rủi ro này;”.

Căn cứ các quy định nêu trên, Cơ quan thuế và NNT có thể sử dụng các cơ sở dữ liệu phù hợp để phản ánh đúng bản chất giao dịch kinh doanh và số thuế phải nộp của từng đơn vị trên cơ sở phân tích so sánh lựa chọn đối tượng so sánh độc lập phù hợp, đảm bảo các nguyên tắc về phân tích so sánh quy định tại Nghị định.

Quy định nêu trên hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc tế và đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp trong việc thi pháp luật về giá chuyển nhượng tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Cơ quan thuế và NNT cần có sự phối hợp, trao đổi thông tin để đảm bảo phương án xử lý từng hồ sơ thỏa đáng, phù hợp bản chất sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Trong thời gian tới, để tiếp tục hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp đối với các nội dung này, Tổng cục Thuế sẽ tiếp tục tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn chính sách chế độ liên quan đến quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, đào tạo kỹ năng thanh tra, kiểm tra thuế trong toàn ngành để nâng cao chất lượng công tác thanh kiểm tra. Đồng thời, tiếp tục quán triệt các Đoàn Thanh tra thuế đối với hoạt động chuyển giá cần lắng nghe ý kiến giải trình của đơn vị trong quá trình thanh tra đảm bảo thu đúng, thu đủ số thuế nộp NSNN.

4. Đối với nội dung kiến nghị số 14:

Đối với nội dung vướng mắc nêu trên, hiện nay Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đã và đang tiếp tục tổng hợp để nghiên cứu đề xuất với Chính phủ có văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất trong toàn quốc.

5. Đối với nội dung kiến nghị số 15:

- Quy định về chi phí lãi vay tại khoản 3, Điều 8 Nghị định 20/2017/NĐ-CP được xây dựng dựa trên cơ sở nghiên cứu khuyến nghị của OECD tại chương trình hành động BEPS số 4 về chống xói mòn nguồn thu, chuyển lợi nhuận thông qua chi phí lãi vay và các giao dịch tài chính có tính chất tương tự. Theo đó, nhằm ngăn ngừa các hành vi sắp đặt giao dịch để chuyển lợi nhuận, tránh thuế bao gồm cả việc **sắp đặt các khoản vay, các giao dịch tài chính thông qua một tổ chức trung gian là bên thứ 3 độc lập**, BEPS đã khuyến nghị các nước đưa ra quy định không chê tỷ lệ chi phí lãi vay được trừ vào chi phí tính thuế theo % trên EBIT hoặc EBITDA và lãi

vay bị khống chế theo quy định này là tổng lãi vay phát sinh từ các bên liên kết và các bên độc lập.

Trên cơ sở đó, Nghị định 20/2017/NĐ-CP đã đưa ra quy định “*3. Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của NNT được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của NNT.*” Theo đó, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ theo quy định trên bao gồm chi phí lãi vay phát sinh với bên liên kết và bên độc lập để đảm bảo tính công bằng, tuân theo nguyên tắc giao dịch độc lập đó là doanh nghiệp có thu nhập, có lãi thì mới có thể tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh và vay vốn phục vụ cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Khi đó, chi phí lãi vay phát sinh để khấu trừ phải tương ứng với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Quy định này là hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Căn cứ theo quy định tại **khoản 3, Điều 8** thì tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ để tính giới hạn khống chế là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ **chưa bù trừ với thu nhập lãi vay**. Quy định này có ưu điểm là hạn chế việc lập kế hoạch tránh thuế của các tập đoàn, các công ty liên kết. Tuy nhiên, hiện nay một số đơn vị có phản ánh vướng mắc về vấn đề này gây ảnh hưởng khó khăn trong việc huy động vốn tập trung để thực hiện các dự án lớn. Do đó, Bộ Tài chính đang tiếp tục nghiên cứu để có những sửa đổi phù hợp.

6. Đối với nội dung kiến nghị số 16:

- Quy định tại khoản 1c, Điều 7, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP về xác định giá tài sản cố định khi mua vào từ bên liên kết nhằm ngăn ngừa tình trạng một số Tập đoàn đa quốc gia thực hiện chuyển giao máy móc thiết bị, dây chuyền thiết bị đã lỗi thời, công nghệ thấp nhưng bán lại cho bên liên kết tại Việt Nam với mức giá cao và công năng sử dụng không hiệu quả, biến Việt Nam thành công xưởng của những thiết bị cũ kĩ, lạc hậu.

Các Tập đoàn đa quốc gia hầu hết đều theo dõi chặt chẽ đối với các hệ thống thiết bị dây chuyền và gắn với lịch sử của những tài sản này. Việc thành lập mới công ty liên kết ở bất cứ quốc gia nào kể cả Việt Nam và kế hoạch đầu tư mua sắm hoặc chuyển các dây chuyền này về các quốc gia có bên liên kết đều nằm trong kế hoạch phương án sản xuất kinh doanh của các Tập đoàn. Do đó với tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ khi thực hiện chuyển giao không phải là vấn đề.

Hơn nữa, để chứng minh giao dịch mua sắm tài sản cố định theo nguyên tắc giao dịch độc lập hay nguyên tắc giá thị trường các doanh nghiệp đều phải có tài liệu hồ sơ chứng minh nhưng trước đây tại Thông tư số 66/2010/TT-BTC chưa quy định rõ. Để tạo thuận lợi cho NNT trong việc áp dụng quy định Nghị định số 20 đã quy định rõ tại khoản 1c, Điều 7.

Thông lệ quốc tế, khi mua sắm tài sản cố định mua từ bên liên kết nếu là tài sản cố định cũ, NNT cần thuê cơ quan thẩm định giá đối với tài sản đó để đảm bảo xác định đúng giá trị của TSCD.

- Trường hợp tài sản mua từ bên liên kết có chức năng thương mại, khi xem xét xác định giá mua vào cũng tuỳ từng trường hợp để xem xét vì giao dịch này còn liên quan đến các giao dịch trước đây của bên liên kết chẳng hạn như bên liên kết có chức năng thương mại mua tài sản từ bên liên kết hay mua tài sản từ bên độc lập để bán cho bên liên kết Việt Nam.

Tuỳ từng trường hợp cụ thể mới có thể xem xét được việc áp dụng phương pháp xác định giá nào là phù hợp nhất khi xác định giá giao dịch liên kết đối với việc mua tài sản này.

7. Đối với nội dung kiến nghị số 18:

Căn cứ vào các quy định tại Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 41/2017/TT-BTC thì NNT có phát sinh giao dịch liên kết thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định 20/2017/NĐ-CP thì phải có trách nhiệm lưu giữ và cung cấp Hồ sơ xác định giao dịch liên kết, trong đó bao gồm Hồ sơ thông tin tập đoàn toàn cầu (theo mẫu 03 Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại Hồ sơ toàn cầu) và Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao (theo mẫu 04 Kê khai thông tin Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia) kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN. Cụ thể:

- Mẫu số 03 Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại Hồ sơ toàn cầu: NNT đánh dấu vào các dòng tương ứng với các thông tin, tài liệu đã lập tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết. Hồ sơ toàn cầu là các thông tin về hoạt động kinh doanh của tập đoàn đa quốc gia, chính sách và phương pháp xác định giá giao dịch liên kết của tập đoàn trên toàn cầu và chính sách phân bổ thu nhập và phân bổ các hoạt động, chức năng trong chuỗi giá trị của tập đoàn (Tại thời điểm quyết toán thuế TNDN, NNT chỉ phải nộp danh mục tài liệu không phải nộp thông tin, tài liệu chi tiết. Thông tin, tài liệu chi tiết kèm theo danh mục của mẫu số 03 được lập và lưu tại doanh nghiệp và cung cấp theo yêu cầu tham vấn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan thuế)

- Mẫu số 04 Kê khai thông tin Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao tại Việt Nam có doanh thu hợp nhất toàn cầu từ mười tám nghìn tỷ đồng trở lên có hoạt động tại nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư 41/2017/TT-BTC.

- Trường hợp NNT không cung cấp được Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao cho kỳ tính thuế tương ứng với kỳ quyết toán thuế của NNT, NNT phải cung cấp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao của năm tài chính liền kề trước kỳ tính thuế của NNT và giải thích lý do bằng văn bản kèm theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết của NNT.

Trường hợp NNT không cung cấp được Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao, NNT giải thích lý do bằng văn bản kèm theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết.

8. Đối với nội dung kiến nghị số 19:

Trên cơ sở nghiên cứu khuyến nghị của BEPS tại chương trình hành động số 13, căn cứ vào điều kiện, nhu cầu quản lý thực tế và đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế về thuế của Việt Nam, Nghị định 20/2017/NĐ-CP đã đưa ra yêu cầu NNT Việt Nam lập và nộp báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đối với công ty mẹ tối cao tại Việt Nam có doanh thu từ 18.000 tỷ đồng trở lên và quy định người nộp thuế Việt Nam cung cấp bản sao báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong trường hợp công ty mẹ tối cao tại nước ngoài là đối tượng phải nộp báo cáo này theo quy định của nước sở tại. Quy định này là bước tiền đề để Việt Nam tham gia hội nhập quốc tế về thuế và từng bước tiệm cận với thông lệ quốc tế.

Hiện nay Việt Nam đã tham gia diễn đàn BEPS và theo cam kết của diễn đàn này thì các quốc gia phải thực hiện 4 chuẩn mực tối thiểu trong đó có chuẩn mực số 13 về báo cáo lợi nhuận liên quốc gia. Tại chương trình hành động này đã quy định về cơ chế trao đổi Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia và gói thực thi giữa các chính phủ với nhau.

Hiện nay, Bộ Tài chính cũng đang tiếp tục nghiên cứu sửa đổi Luật và hệ thống các văn bản có liên quan. Đối với những kiến nghị, vướng mắc cần phải sửa đổi cho phù hợp với thông lệ quốc tế, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) sẽ tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp.

- Về quy định bảo mật thông tin đối với báo cáo lợi nhuận liên quốc gia được thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 12 Nghị định 20/2017/NĐ-CP và Điều 73 của Luật quản lý thuế.

9. Đối với kiến nghị số 20:

Khoản 3 và Khoản 9, Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan có quy định: “**Điều 25. Khai hải quan**

3. Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, trung thực, rõ ràng các tiêu chí trên tờ khai hải quan; tư tính để xác định số thuế, các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

9. Việc sử dụng tờ khai hải quan điện tử

Tờ khai hải quan điện tử có giá trị sử dụng trong việc thực hiện các thủ tục về thuế, cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thủ tục thanh toán qua Ngân hàng và các thủ tục hành chính khác; chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan sử dụng tờ khai hải quan điện tử phục vụ yêu cầu quản lý...”.

Luật Hải quan đã quy định rất rõ tính pháp lý của tờ khai hải quan, đó là cơ sở để chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa (hàng hóa xuất khẩu trong trường hợp này), các cơ quan chức năng căn cứ tờ khai hải quan để xác thực thông tin phục vụ yêu cầu quản lý.

Tờ khai hải quan, hóa đơn và chứng từ thanh toán đều là căn cứ để xác định các nghĩa vụ thuế liên quan. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra cơ quan thuế căn cứ

tình hình thực tế hồ sơ thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp, căn cứ vào thông tin cơ quan thuế thu thập được liên quan đến giao dịch hàng hóa (tờ khai hải quan, hóa đơn chứng từ, giá bán hàng hóa trên thị trường...) cơ quan thuế xác định giá tính thuế tính nghĩa vụ thuế đối với doanh nghiệp là đúng theo quy định.

Tổng cục Thuế trả lời để quý cơ quan được biết./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- P. TCTg Cao Anh Tuấn;
- Lưu: VT, TTr (2b). ✓

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
QUYỀN VỤ TRƯỞNG THỦ NHÂN TRA TỔNG CỤC THUẾ



Phạm Ngọc Lai